



Ký bởi: UBND xã Núa Ngam

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NÚA NGAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/BC-UBND

Núa Ngam, ngày 29 tháng 9 năm 2025

## **BÁO CÁO**

### **Quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

Thực hiện các Thông tư của Bộ GDĐT: số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC); số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non; số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

UBND xã tổng hợp, báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD-XMC năm 2025, cụ thể như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

##### **1. Khái quát đặc điểm về địa lý, kinh tế - xã hội**

Xã Núa Ngam được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 xã (Núa Ngam, Na Tông, Hẹ Muông), có tổng diện tích tự nhiên là 265,32 km<sup>2</sup>; là một xã miền núi, biên giới thuộc tỉnh Điện Biên, phía Bắc giáp với xã Thanh An và xã Pu Nhi, phía Nam giáp nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp xã Na Son, xã Phình Giàng và xã Mường Nhà phía Tây giáp xã Sam Mứn và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, có đường biên giới Việt - Lào dài 14,597 km; địa hình phức tạp, nhiều đồi núi dốc, hiểm trở. Xã Núa Ngam có 33 thôn, bản, 2.630 hộ, dân số 11.811 người, gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống (Thái, Mông, Lào, Khơ mú, Hà Nhì, Công, Dao, Tày, Nùng...); Là xã miền núi, biên giới chủ yếu sản xuất nông nghiệp nên nguồn thu chủ yếu là thu trợ cấp ngân sách cấp trên, xã không có nguồn thu tích lũy để thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở kinh tế và phát triển sản xuất.

Điều kiện kinh tế xã hội của xã còn rất khó khăn; người dân sống chủ yếu bằng nghề nông, tỷ lệ hộ nghèo chiếm (13,10%); cận nghèo (17,02%). Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện, cơ sở vật chất các trường học...chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã.

Tình hình phát triển giáo dục: Sau khi sáp nhập xã có 09 trường (01 trường THCS, 04 trường tiểu học, 04 trường Mầm non).

## **2. Thuận lợi, khó khăn**

### **a) Thuận lợi**

Công tác phổ cập GD - XMC của xã đã được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Sở GD&ĐT, Thường trực Đảng ủy, Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND xã; sự quan tâm giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong xã.

Cán bộ quản lý, giáo viên nhiệt tình với sự nghiệp giáo dục có trách nhiệm trong công tác phổ cập giáo dục. 100% cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

Nhận thức của nhân dân đối với sự nghiệp ngày càng nâng cao.

Mạng lưới trường lớp được duy trì, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cơ bản đầy đủ đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn.

### **b) Khó khăn**

Địa bàn rộng, chủ yếu là đồi núi, giao thông đi lại từ các bản tới trung tâm xã còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Một bộ phận nhân dân chưa quan tâm đến việc học hành của con em mình còn hạn chế ảnh hưởng tới tỷ lệ chuyên cần.

Học sinh độ tuổi từ 14-18 là lực lượng lao động chính của nhiều gia đình nên dễ nghỉ học khi mùa vụ, lễ tết; tỷ lệ học sinh đi học không chuyên cần còn cao.

Do chỉ có 01 trường THCS nên số học sinh độ tuổi học THCS trên địa bàn xã đi học nhờ tại xã khác còn nhiều (trong đó có gần 500 học sinh đang học nhờ tại trường PTDTBT THCS Mường Nhà) gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý theo dõi học sinh trong độ tuổi cấp THCS.

Một số học sinh cấp mầm non chưa làm được giấy khai sinh, cản trở công dân (do bố hoặc mẹ là người nước ngoài, không có mặt tại địa phương...)

Còn nhiều đối tượng tái mù nên tỷ lệ xóa mù chữ mức độ 2 chưa bền vững.

Một số trường còn thiếu nhà ở, bếp ăn cho học sinh bán trú.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu so với định mức và biên chế được giao nên ảnh hưởng đến hoạt động dạy học.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PCGD-XMC**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo<sup>1</sup>, UBND xã đã ban hành các kế hoạch để chỉ đạo công tác PCGD-XMC

---

<sup>1</sup> Thông tư của Bộ GD&ĐT: số 07/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC); số 09/2025/TTBGD&ĐT ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non; số 10/2025/TT-BGD&ĐT ngày 12/6/2025 Quy định

năm 2025<sup>2</sup>:

UBND xã đã ban hành Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo, phân công trách nhiệm cho từng thành viên; tăng cường sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong xã nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò nhiệm vụ của công tác PCGD-XMC<sup>3</sup>.

Cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục xóa mù chữ đã lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức xã hội, các trường học, nhân dân thực hiện các giải pháp vận động học sinh ra lớp, kêu gọi ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các em đến trường ngay từ đầu năm học.

## 2. Kết quả thực hiện PCGD-XMC năm 2025

### 2.1. Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh, tỉ lệ huy động trẻ ra lớp

- Tổng số có 09 trường mầm non, tiểu học, THCS; 113 lớp; 2.613 học sinh. Trong đó:

- Giáo dục mầm non: 04 trường, 21 điểm trường (gồm 4 điểm trung tâm và 17 điểm trường lẻ) có trẻ 5 tuổi đang học. Tổng số 48 nhóm/lớp (riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi có 21 lớp, trong đó có 18 lớp ghép và 3 lớp đơn). Tổng số 924 trẻ em trong độ tuổi được học tại các cơ sở giáo dục mầm non. Tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp 60,2%. Tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 100%. Riêng huy động trẻ 5 tuổi ra lớp để thực hiện PCGD là 214/214 trẻ, tỉ lệ 100%. Tỉ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non: Không có trẻ khuyết tật.

- Giáo dục Tiểu học: 04 trường tiểu học, 53 lớp và 1.186 học sinh. Tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 243/243 đạt 100%; trẻ 6-10 tuổi ra lớp đạt 1.219/1.219 đạt 100%.

- Giáo dục THCS: 01 trường THCS, 12 lớp và 503 học sinh. Tỉ lệ huy động trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học năm qua vào học lớp 6 đạt 100%; tỉ lệ huy động trẻ 11 tuổi vào lớp 6 đạt 97,23%; tỉ lệ huy động trẻ 11-14 tuổi học THCS 97,8%.

Tính đến tháng 9/2025: Có 7/9 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 77,8%. Trong đó: Mầm non 3/4 trường, tỉ lệ 75%; Tiểu học 3/4 trường, tỉ lệ 75%; THCS 1/1 trường, tỉ lệ 100%.

---

về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; Công văn 2366/SGDĐT-GDTrH, ngày 11/8/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về việc tiếp tục thực hiện công tác PCGD-XMC năm 2025;

<sup>2</sup> Công văn số 207/UBND-VHXXH ngày 20/8/2025 của UBND xã Núa Ngam về việc tiếp tục thực hiện công tác PCGD-XMC năm 2025, Kế hoạch số 81/KH-BCĐ, ngày 08/9/2025 Kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập Giáo dục - Xóa mù chữ năm 2025 của xã.

<sup>3</sup> Quyết định số 98/QĐ-UBND, ngày 20/8/2025 của UBND xã Núa Ngam về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Phổ cập GD-XMC xã Núa Ngam;

## 2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

a) Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 228 người (24 cán bộ quản lý, 174 giáo viên, 30 nhân viên). Chia ra:

- **Giáo dục mầm non:** Tổng số 93 người (10 cán bộ quản lý, 73 giáo viên, 10 nhân viên). Tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi 31 người, đủ so với quy định; tỉ lệ 1,48 giáo viên/lớp mẫu giáo 5 tuổi; giáo viên dạy lớp 5 tuổi có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên tỉ lệ 100%. Số giáo viên dạy lớp 5 tuổi được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên là 31/31 người, tỉ lệ 100%. 100% giáo viên được đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp được xếp loại từ đạt trở lên. 100% giáo viên được hưởng đúng, đủ các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

- **Giáo dục tiểu học:** Tổng số 106 người (11 cán bộ quản lý, 79 giáo viên, 16 nhân viên); tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp. Trong đó: 78/78 giáo viên có trình độ đại học, trên đại học tỉ lệ 100%; 0 giáo viên có trình độ cao đẳng tỉ lệ 0%; 0 có trình độ THSP tỉ lệ 0%. 77/77 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ đạt trở lên, tỉ lệ 100%. (Có 01 giáo viên không đánh giá xếp loại vì mới tuyển dụng tháng 3/2025)

- **Giáo dục THCS:** Tổng số 29 người (03 cán bộ quản lý, 22 giáo viên, 4 nhân viên); tỉ lệ 1,83 giáo viên/lớp. Trong đó: 22/22 giáo viên có trình độ đại học, tỉ lệ 100%; 21/21 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ đạt trở lên, tỉ lệ 100%. (Có 01 giáo viên không đánh giá xếp loại vì mới tuyển dụng tháng 03/3/2025)

- Công tác bồi dưỡng giáo viên: Các đơn vị chủ động tạo điều kiện để giáo viên được học tập nâng cao trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu Luật Giáo dục 2019. Tăng cường bồi dưỡng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng AI trong soạn giảng.

## 2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

a) Về cơ sở vật chất

- **Giáo dục mầm non:** Tổng số 48 phòng học, phòng sinh hoạt chung. Riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi có 21 phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), tỉ lệ 01 phòng học/lớp (trong đó: 18 phòng kiên cố, tỉ lệ 85,7%; 03 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 14,3%); diện tích bình quân phòng sinh hoạt chung đối với phòng kiên cố khoảng 41,3m<sup>2</sup>/phòng, đối với phòng bán kiên cố khoảng 37m<sup>2</sup>/phòng; 21/21 phòng học, phòng sinh hoạt chung đảm bảo điều kiện về ánh sáng, ấm áp về mùa đông và thoáng mát về mùa hè. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có trẻ 5 tuổi có sân chơi xanh, sạch, đẹp và có đủ nước sạch sử dụng, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, an toàn 21/21 điểm trường. 100% các điểm trường trẻ 5 tuổi học có đủ nhà vệ sinh, Tổng số sân chơi có đồ chơi/tổng số sân chơi ở các điểm trường 21/21 sân chơi. Tổng số bếp nấu ăn cho trẻ 15 bếp. Tổng số công trình nước sinh hoạt tại các điểm trường có trẻ 5 tuổi học 21 công trình.

- **Giáo dục tiểu học:** 53 phòng học. Trong đó: 38 phòng học kiên cố, tỉ lệ 71,7%; 15 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 28,3%; 0 phòng học tạm, tỉ lệ 0%; 0

phòng học mượn, tỉ lệ 0%. Có 10 phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng/04 trường; có 04 văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên; có 04 phòng y tế; có 04 phòng truyền thống và hoạt động Đội; có 04 thư viện, có 04 phòng thiết bị.

- **Giáo dục THCS:** 12 phòng học. Trong đó: 12 phòng học kiên cố, tỉ lệ 100%, 0 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 0%; 0 phòng học tạm, tỉ lệ 0%. 03 phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; 01 phòng văn phòng, 01 phòng họp cho giáo viên và nhân viên; 01 phòng y tế; 01 thư viện, 07 phòng học bộ môn.

b) Về thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi

- **Giáo dục mầm non:** 21/21 lớp trẻ 5 tuổi có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định. Tổng số sân chơi có đồ chơi được sử dụng thường xuyên 21/21 sân. Các trường mầm non có phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ, đồng thời tích cực huy động phụ huynh tham gia làm đồ chơi ngoài trời cho trẻ ở các điểm trường lẻ và huy động các tổ chức, cá nhân ủng hộ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ sử dụng, góp phần tạo môi trường giáo dục phong phú về cơ hội học tập, thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

- **Giáo dục tiểu học:** 100% trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. 04 trường, 10 điểm trường lẻ có sân chơi, bãi tập an toàn với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch; có hệ thống thoát nước; có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, học sinh, giáo viên, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận tiện. Các trường tiểu học tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ có đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình xóa mù chữ.

- **Giáo dục THCS:** Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; có đủ sân chơi bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn, môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh.

## **2.4. Công tác huy động, duy trì sĩ số và các biện pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục học sinh**

a) Công tác huy động, duy trì sĩ số học sinh

Ngay từ đầu năm học UBND xã đã chỉ đạo các nhà trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, phối hợp với các ban ngành đoàn thể của xã, trưởng các thôn, bản và gia đình học sinh huy động tối đa học sinh ra lớp, nhằm huy động tỷ lệ học sinh được giao.

Tổ chức giao ban hàng tháng, chỉ đạo trưởng các thôn, bản chủ động, tích cực vào cuộc, có giải pháp huy động học sinh trong độ tuổi đến trường.

Tính đến thời điểm hiện tại số học sinh đến lớp cấp THCS đạt 100%, TH: 100%, MN: 100% so với chỉ tiêu được giao.

b) Các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục học sinh

- Đối với Giáo dục mầm non

Giáo viên tham gia đầy đủ công tác tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN theo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN; Nhà trường đã triển khai các lớp từ trung tâm đến các điểm trường xây dựng góc thư viện thân thiện phù hợp với thực tế của trường, lớp, đổi mới môi trường giáo dục tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo; Tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN tại các lớp. Tích cực tổ chức, áp dụng chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” “trường học hạnh phúc, “tăng cường tiếng Việt cho trẻ” “Tôi yêu Việt nam”.

Thực hiện đầy đủ các lớp tập huấn do các cấp tổ chức và đã triển khai tập huấn bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho tất cả đội ngũ giáo viên nhà trường.

Chỉ đạo 100% giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức hướng đến mục tiêu lấy trẻ làm trung tâm, đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhóm, lớp và khả năng nhận thức của trẻ của lớp mình phụ trách.

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ, cụm trường để triển khai nội dung của chuyên đề, tháo gỡ những vướng mắc trong chuyên môn cho giáo viên.

Các lớp học đã tạo được môi trường giao tiếp cởi mở, thân thiện giữa cô với trẻ, giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với môi trường xung quanh sẽ tạo cơ hội cho trẻ được chia sẻ, giải bày tâm sự, nguyện vọng, mong ước của trẻ với cô, với bạn bè, nhờ vậy mà cô hiểu trẻ hơn, trẻ hiểu nhau hơn, hoạt động phối hợp nhịp nhàng hơn nên hiệu quả hoạt động cũng cao hơn, trẻ yêu trường, yêu lớp, yêu cô giáo và bạn bè hơn.

Ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến vào trong đổi mới dạy học như: Ứng dụng PP dạy học Steam, Montessori, ứng dụng AI...

- Giáo dục Tiểu học: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện có hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học, đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học theo công văn 1315/BGDĐT-GDTH của bộ giáo dục và đào tạo, tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm, các hoạt động câu lạc bộ, các tiết đọc thư viện cho học sinh toàn trường, dạy học lồng ghép giáo dục QPAN, phòng chống thiên tai biến đổi khí hậu, Lý tưởng cách mạng đạo đức lối sống, quyền con người, hướng nghiệp, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, chống rác thải nhựa, Phòng cháy, chữa cháy, Giáo dục học sinh phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, giáo dục đạo đức cho học sinh, phòng chống xâm hại,... dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh khối 1,2,3, dạy học 2 buổi/ ngày, làm tốt công tác chăm sóc học sinh bán trú; chú trọng giáo dục hình thành, phát triển kỹ năng sống cho học sinh. Thực hiện giáo dục STEM theo định hướng Chương trình GDPT 2018 phù hợp với HS.

- Giáo dục Trung học cơ sở: Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông 2018, tích cực đổi mới phương pháp dạy học kiểm tra đánh giá phát

huy tính tích cực sáng tạo của học sinh. Tổ chức các bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu các môn văn hóa, thể thao, nghệ thuật; hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi của ngành giáo dục; tổ chức tốt dạy học 2 buổi/ngày theo hướng rõ đối tượng, rõ nội dung; quan tâm giáo dục đạo đức, hình thành kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức quản lý chăm sóc tốt học sinh bán trú; chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn.

- Công tác xóa mù chữ

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xóa mù chữ. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác xóa mù chữ.

Củng cố bền vững kết quả xóa mù chữ, hạn chế mù chữ trở lại.

Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia chống mù chữ.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác xóa mù chữ.

Đảm bảo chế độ, chính sách đối với người tham gia công tác xóa mù chữ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Điều tra chính xác các đối tượng biến động, cập nhật chính xác số liệu đối tượng từ 15-60. Xây dựng kế hoạch sát với thực tiễn địa phương.

Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, vận động triệt để học sinh ra lớp, đặc biệt việc duy trì tỷ lệ chuyên cần học sinh cấp THCS. Đối tượng 15-60 tự nguyện đăng ký tham gia học các lớp chuyên đề tại trung tâm học tập cộng đồng xã.

- Kết quả mở lớp XMC năm 2025: Mở 01 lớp với 21 học viên tại trường Tiểu học Núi Ngăm.

### **3. Kinh phí thực hiện công tác PCGD-XMC**

- Kinh phí chi giảng dạy, mua sách giáo khoa, thiết bị dạy học.
- Kinh phí chi in hồ sơ, công tác điều tra...
- Kinh phí từ xã hội hóa giáo dục: Không

### **4. Công tác xã hội hóa giáo dục**

Công tác PCGD-XMC trên địa bàn xã đã nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của chính quyền địa phương, nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhằm đầu tư cho việc đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ như: Vận động trẻ đi học, duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần, phối hợp trong việc dạy tiếng Việt cho trẻ; phụ huynh học sinh giúp ngày công tôn tạo cảnh quan môi trường giáo dục ngay từ đầu năm học.

Chủ động lồng ghép các chương trình, đề án, dự án và huy động nguồn lực của xã hội để thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Các trường tích cực huy động sự hỗ trợ của các nhà hảo tâm để hỗ trợ dạy

và học. Năm học 2024-2025, tổng kinh phí huy động trên 1.8 tỷ đồng (Trong đó: cấp mầm non là: 1.168.063.000 đồng xây phòng, lớp học, hỗ trợ Quỹ trẻ nghèo vùng cao hỗ trợ ăn trưa cho trẻ, mái tôn, tường bao, đồ dùng đồ chơi cho trẻ... Cấp tiểu học: Chương trình "Quỹ trẻ nghèo vùng cao" tiếp tục hỗ trợ tiền ăn trưa cho 521 học sinh trường Tiểu học không được hưởng chế độ của nhà nước trong năm học 2024-2025 với tổng số tiền là 729.400.000 đồng); Trường THCS Núa Ngam được hỗ trợ 10 xe đạp trị giá 15.000.000 đồng).

## 5. Kết quả PCGD-XMC năm 2025

### a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Số trẻ 5 tuổi ra lớp: 214/214 trẻ, tỉ lệ 100%.
- Tổng số trẻ 5 tuổi được đánh giá hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 243/243 trẻ, tỉ lệ 100%. (có 01 trẻ khuyết tật)
- Tỉ lệ trẻ khuyết tật có khả năng học tập được học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non: 0/0 trẻ, tỉ lệ 0%.

Xã duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT

### b) Phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi phải phổ cập đi học lớp 1: 243/243, tỉ lệ 100%.
- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 246/253, tỉ lệ 97,23%.
- Xã duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

### c) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS: 727/806, tỉ lệ 90,2%.
- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đã và đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc giáo dục nghề: 607/806, tỉ lệ 75,3%.
- Xã duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

### c) Công tác xóa mù chữ

- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 7.330/7.560 người, tỉ lệ 96,96%; Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 4.181/4.185 người, tỉ lệ 99,90%.
- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 6883/7560 người, tỉ lệ 91,04%. Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 4151/4185 người, tỉ lệ 99,18%.
- Xã duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

## 6. Đánh giá chung

### a) Ưu điểm

Công tác PCGD-XMC nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Xã đã duy trì vững chắc đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMNTNT), Phổ cập Giáo dục Tiểu học (PCGDTH) mức độ 3, Phổ cập Giáo dục Trung học Cơ sở (PCGD THCS) mức độ 3 và Xóa mù chữ (XMC) mức độ 2.

Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 và trẻ 6-10 tuổi ra lớp đều đạt 100%. Tỉ lệ huy động trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 cũng đạt 100%.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo (100% giáo viên tiểu học, THCS đạt trình độ Đại học trở lên) và chuyên môn nghề nghiệp (100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ đạt trở lên ở hầu hết các cấp).

Mạng lưới trường lớp được duy trì, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập. Tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 77,8% (7/9 trường).

Xã đã tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa, hỗ trợ thiết thực cho học sinh khó khăn và cải tạo cơ sở vật chất.

#### b) Hạn chế

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi vào học lớp 6, 11-14 tuổi học THCS thấp hơn so với tỷ lệ chung toàn tỉnh do còn 7 học sinh sinh năm 2014 đang học tiểu học.

Công tác xã hội hóa giáo dục ở một số bản chuyên biến chưa mạnh mẽ, chưa phát huy được sức mạnh của toàn xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung và công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ nói riêng (bản Gia Phú A, Gia Phú B, Huổi Chanh, Sơn Tổng, Na Hươm, Na Ó).

Kết quả duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS tuy đã đạt theo kế hoạch nhưng các tiêu chí đạt chuẩn ở một số thôn bản chưa bền vững như Na Hươm, Gia Phú A.

#### c) Nguyên nhân

Do yếu tố khách quan của địa phương (xã vùng cao biên giới còn khó khăn, 90% là người đồng bào dân tộc ...) học sinh nhận thức còn chậm, thiếu động cơ học tập nên đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường từ đó dẫn đến tình trạng tỷ lệ học sinh đi học không chuyên cần hàng ngày vẫn còn.

Một số gia đình phụ huynh còn mắc vào các tệ nạn xã hội nên chưa quan tâm đến học tập của con em.

Nhu cầu giải quyết công ăn việc làm cho thanh niên sau khi học xong chưa đáp ứng nên chưa có tác động thôi thúc nhiệt tình học tập của con em nhân dân, dẫn đến học sinh không có hứng thú học tập.

Học sinh trong độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở nhiều em là lực lượng lao động chính trong gia đình nên một số học sinh ngoài giờ học còn phải lao động phụ giúp gia đình nên chưa đi học chuyên cần.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PCGD-XMC NĂM 2026

## 1. Mục tiêu

### 1.1. Mục tiêu chung

#### a) Giáo dục mầm non

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục và các tiêu chí phổ cập; thường xuyên chú trọng duy trì sĩ số học sinh đi học chuyên cần, nâng cao chất lượng dạy học. Tiếp tục tham mưu quy hoạch, tăng cường CSVC, tạo dựng cảnh quan, môi trường sư phạm, xây dựng nề nếp trường lớp học; thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh. Đẩy mạnh công tác duy trì trường chuẩn Quốc gia, coi đây là giải pháp trọng tâm để nâng cao chất lượng giáo dục. Tập trung chỉ đạo phát triển phương thức giáo dục thường xuyên để xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để mọi người ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, học liên tục, học suốt đời ở mọi lúc, mọi nơi; phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mỗi cá nhân nhằm góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực.

#### b) Giáo dục tiểu học

Duy trì vững chắc chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 ở 33/33 thôn bản; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đảm bảo 100% học sinh học 9-10 buổi/tuần, phần đầu tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên và nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

#### c) Giáo dục trung học cơ sở

Tiếp tục duy trì vững chắc chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; nâng cao tỷ lệ huy động trẻ 11 tuổi vào lớp 6 (đạt 94,97% trở lên) và tỷ lệ thanh niên, thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS (đạt 90,97% trở lên) và tiếp tục học ở cấp cao hơn.

#### d) Xóa mù chữ

Củng cố vững chắc và nâng cao tiêu chí đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2 cho đối tượng 15-60 tuổi, phần đầu đạt tỷ lệ biết chữ mức độ 2 là 91,59% trở lên, đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ bền vững cho nhóm tuổi trẻ (15-35 tuổi).

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### a) Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2025 và những năm tiếp theo. Tiếp tục rà soát các điều kiện để hướng tới thực hiện chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ mẫu giáo. Duy trì quy mô trường, lớp Mầm non, huy động và duy trì 100% trẻ 5 tuổi ra lớp học 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục Mầm non và được ăn bán trú tại trường. Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chuyên đề trong năm học. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Tăng cường cơ sở vật chất ở trung tâm và các điểm trường. Tiếp tục tham mưu mua cấp bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học cho các lớp 5 tuổi và các lớp độ tuổi dưới 5 tuổi, đảm bảo 100% các lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ phòng học và đủ đồ dùng đồ chơi,

thiết bị dạy học. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bố trí ưu tiên đảm bảo đủ đội ngũ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá, tốt. Đẩy mạnh thực hiện XHHGD xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan môi trường, phối hợp tốt với phụ huynh trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

#### b) Giáo dục Tiểu học

- Tiếp tục duy trì vững chắc, nâng cao độ bền vững công tác PCGDTH-CMC; PCGDTH ở 33/33 thôn bản.
- Tiếp tục duy trì vững chắc, nâng cao độ bền vững công tác PCGDTH mức độ 3
- Huy động: 214/214 số trẻ em ở độ tuổi 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%;
- Có: 227/240 số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 94,58%, số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi còn lại đang học các lớp tiểu học: 13.
- Có 100% số học sinh học 9 - 10 buổi/ tuần.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Phấn đấu đến năm 2026 tỷ lệ học sinh đạt ở các mức độ đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020/TT- BGDĐT, ngày 04/9/2020: Hoàn thành xuất sắc 10%, Hoàn thành tốt 40%; Hoàn thành 50%, chưa hoàn thành 0%; tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên.

#### c) Giáo dục Trung học cơ sở

- Huy động trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6: 227/239 đạt tỷ lệ 94,97%.
- Tỷ lệ trẻ em 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học học THCS: 977/999, đạt tỷ lệ 97,79%.
- Kết quả thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS và đang học chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên hoặc giáo dục nghề nghiệp.
- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS 786/864 đạt tỷ lệ 90,97%.
- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đã và đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: 651/864, đạt tỷ lệ 75,34%.
- Duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

#### d) Xóa mù chữ

- Phấn đấu số người trong độ tuổi 15 đến 25 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 là 2208/2208 đạt tỉ lệ 100%; Mức độ 2 là 2208/2208 đạt tỉ lệ 100%;
- Phấn đấu số người trong độ tuổi 15 đến 35 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 là 4191/4194 đạt tỉ lệ 99,92%; Mức độ 2 là 4169/4194

đạt tỉ lệ 99,40%;

- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 là 7522/7737 đạt tỉ lệ 97,22%; Mức độ 2 là 7087/7737 đạt tỉ lệ 91,59%.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo**

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, sự chỉ đạo của UBND xã đối với việc thực hiện các nhiệm vụ phổ cập. Cần phải xác định rõ đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình phát triển kinh tế xã hội nhằm nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương.

### **2.2. Tiếp tục nâng cao nhận thức về công tác PCGD-XMC**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm cho các cấp, các ngành, các gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập giáo dục và xóa mù chữ trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

Tuyên truyền, vận động đối tượng 15 đến 18 tuổi tham gia học THPT, học nghề đảm bảo tiêu chí xã đạt nông thôn mới và PCGDTHCS mức độ 3..

### **2.3. Nâng cao chất lượng dạy và học**

Tập trung thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học của các cấp học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy học, giáo dục của các nhà trường; tổ chức đa dạng và có chất lượng các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Cấp học mầm non cần tăng cường chỉ đạo đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm; tăng cường tiếng Việt cho trẻ.

- Cấp Tiểu học: Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm, thực hiện dạy học lồng ghép giáo dục QPAN, phòng chống thiên tai biến đổi khí hậu, giáo dục lý tưởng cách mạng đạo đức lối sống, quyền con người, chống rác thải nhựa, hướng nghiệp, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy. Thực hiện giáo dục học sinh kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, phòng chống bạo lực học đường, giáo dục đạo đức cho học sinh,...; dạy học 2 buổi/ ngày, làm tốt công tác chăm sóc học sinh bán trú; chú trọng giáo dục hình thành, phát triển kỹ năng sống cho học sinh. Thực hiện giáo dục STEM theo định hướng Chương trình GDPT 2018 phù hợp với HS. Tổ chức tốt các tiết đọc thư viện cho 100% HS toàn trường, duy trì sinh hoạt câu lạc bộ theo sở thích, thu hút học sinh tham gia. Thực hiện dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh.

- Cấp Trung học cơ sở: Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông 2018; thực hiện tốt việc dạy học 2 buổi/ngày; chú trọng giáo dục hình thành, phát triển kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi của học sinh và yêu cầu của xã hội hiện đại, phù hợp với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và trong dạy học.

#### 2.4. Tăng cường cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực và công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học cho các nhà trường học đáp ứng yêu cầu cho phổ cập giáo dục.

Phối hợp với các Sở, Ngành tuyển dụng đủ số lượng và chủng loại giáo viên theo Điều lệ trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục của các hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nghiêm túc đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp và đánh giá, xếp loại hiệu trưởng theo chuẩn hiệu trưởng để đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý tự đánh giá và từ đó xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện, tự hoàn thiện nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường.

#### 2.5. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách.

Chỉ đạo các trường học thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách của Nhà nước dành cho học sinh, giáo viên, nhân viên.

#### 2.6. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục huy động nguồn lực bổ sung tu sửa cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học; kêu gọi sự ủng hộ của các nhà hảo tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn để các em yên tâm học tập.

#### 2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ thông qua các đợt kiểm tra chuyên môn ở các trường nhằm củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện công tác tập huấn nâng cao năng lực về nghiệp vụ thống kê cho các nhà trường; thường xuyên tiến hành kiểm tra hệ thống văn bản chỉ đạo, hồ sơ

phổ cập, đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các đơn vị cấp cơ sở.

Tiến hành kiểm tra công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của các đơn vị theo đúng quy định.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

##### **1. Đối với UBND tỉnh**

Tiếp tục quan tâm đầu tư kinh phí từ các chương trình mục tiêu để phát triển giáo dục, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn xã.

Đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường, đáp ứng yêu cầu đủ về số phòng lớp học, phòng thư viện, phòng học bộ môn, nhà nội trú cho học sinh, nhà ở tập thể cho CBGV...

Bổ trí đủ đội ngũ giáo viên, nhân viên theo định mức để các trường hoạt động.

##### **2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các nhà trường.

- Chỉ đạo các Trường THPT, TTGDTCX, GDNN phối hợp với các thôn bản và Trường THCS huy động đối tượng từ 15-18 tuổi tham gia học tập, hạn chế tình trạng bỏ học.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện và kết quả PCGD-XMC năm 2025 của UBND xã Núa Ngam. Kính mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của UBND tỉnh./.

##### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở GD&ĐT;
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- Lưu VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Văn Toàn**